

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Thành Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Hồ Ngọc D**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Hồ Ngọc D có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Chị **Mai Thị Nh**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K

(Chị Mai Thị Nh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Ngọc D trình bày: Anh và Mai Thị Nh thành lập gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh ra mâu thuẫn : Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai anh, chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống thì cuộc hôn nhân này cũng không có hạnh phúc, nên anh D quyết định ly hôn với Mai Thị Nh.

Quá trình chung sống anh và chị Nh có 01 người con chung tên: Mai Phương Tr, sinh ngày 15-10-2015.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Hồ Ngọc D có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với Mai Thị Nh
- Về con chung : Đồng ý giao con chung Mai Phương Tr, sinh ngày 15-10-2015 cho chị Mai Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung : không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Mai Thị Nh trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Hồ Ngọc D về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tại phiên tòa, chị Mai Thị Nh vắng mặt nhưng tại *bản tự khai ngày 07-7-2022*; Biên bản hòa giải ngày 07-7- 2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04-8-2022 chị Nh có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Hồ Ngọc D
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi, dưỡng con chung Mai Phương Tr, sinh ngày 15-10-2015, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 06-6-2022 anh Hồ Ngọc D có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Mai Thị Nh. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn chị Mai Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 01 người con chung : Mai Phương Tr, sinh ngày 15-10-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D và chị Nh thống nhất thỏa thuận giao con cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của anh D và chị Nh phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về cấp Dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Nh về quyền yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Nh xác định không yêu cầu

anh D cấp Dưỡng nuôi con và việc chị Nh không yêu cầu anh D phải cấp Dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hồ Ngọc D là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh thống nhất giao con tên: Mai Phương Tr, sinh ngày 15-10-2015 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng , chị Nh không yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Hồ Ngọc D và chị Mai Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Hồ Ngọc D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng anh D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009423, ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; anh D không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Anh Hồ Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị Nh vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

